

3. gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ của quân đội.

4. Ra sức học tập chính trị, quân sự, văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ; rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật; rèn luyện thể lực; không ngừng nâng cao bản lĩnh chiến đấu.

Điều 11. — Ở một số đơn vị chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ do Bộ Quốc phòng quy định có quân nhân chuyên nghiệp giữ chức vụ chỉ huy.

Mọi quân nhân chuyên nghiệp đều phải phục tùng người chỉ huy của đơn vị dù người ấy có quân hàm thấp hơn. Quân nhân chuyên nghiệp quan hệ với các quân nhân khác theo điều lệnh của quân đội.

Điều 12. — Quân nhân chuyên nghiệp lập được thành tích thì được khen thưởng, vi phạm kỷ luật thì bị xử phạt theo điều lệnh kỷ luật của quân đội và pháp luật của Nhà nước.

Điều 13. — Quân nhân chuyên nghiệp được khuyến khích học tập nâng cao trình độ; khi có nhu cầu, được học tại chức hoặc cử đi học các trường trong và ngoài quân đội; được xếp công tác và hưởng lương theo trình độ; được khuyến khích phát minh sáng chế, nghiên cứu đề tài khoa học, sáng tác và được đãi ngộ vật chất, tinh thần theo quy định của Nhà nước.

Điều 14. — Khi đơn vị có nhu cầu, quân nhân chuyên nghiệp tự nguyện thì được đào tạo thành sĩ quan. Trong thời chiến, việc chuyển quân nhân chuyên nghiệp thành sĩ quan thực hiện theo nhu cầu của quân đội.

Điều 15. — Quân nhân chuyên nghiệp xuất ngũ được thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước đối với sĩ quan quân đội xuất ngũ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 16. — Điều lệ này thi hành từ ngày ban hành, các quy định trước đây trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 17. — Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện điều lệ này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 241 - HĐBT ngày 5-8-1991 quy định về tổ chức và hoạt động của các Ban Thanh tra Nhân dân.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ pháp lệnh thanh tra ngày 1 tháng 4 năm 1990;

Sau khi thỏa thuận với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Nhà nước.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Ban Thanh tra Nhân dân là tổ chức thanh tra của quần chúng được thành lập ở xã, phường, thị trấn (gọi

tất là xã, phường) và ở các cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) nhằm đảm bảo quyền giám sát, kiểm tra của quần chúng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật ở phạm vi xã, phường; cơ quan, đơn vị. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường do quần chúng bầu ra, Mặt trận tổ quốc xã, phường tổ chức, chỉ đạo hoạt động. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị do đại hội của những người lao động bầu ra, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở chỉ đạo hoạt động.

Điều 2. — Ban Thanh tra Nhân dân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn chung đã được quy định tại Điều 27 Pháp lệnh thanh tra. Khi được tổ chức thanh tra Nhà nước yêu cầu thì Ban Thanh tra Nhân dân tiến hành kiểm tra.

Điều 3. — Các Ủy viên Ban Thanh tra Nhân dân phải là người lao động sản xuất hoặc công tác tốt, trung thực và công tâm, có hiểu biết nhất định về chính sách, pháp luật, có uy tín đối với tập thể và tự nguyện làm công tác thanh tra nhân dân.

Điều 4. — Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phải đảm bảo khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời. Ban Thanh tra nhân dân thực hiện chế độ làm việc tập thể và biểu quyết theo đa số. Trưởng Ban Thanh tra nhân dân điều hành công tác chung của Ban Thanh tra nhân dân và phối hợp với các đoàn thể khác trong địa phương, cơ quan, đơn vị để thực hiện tốt nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 5. — Khi thực hiện nhiệm vụ, Ban Thanh tra nhân dân có quyền:

1. Yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan ở địa phương, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc

giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình;

2. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì lập biên bản, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó;

3. Thông qua hoạt động của mình, Ban Thanh tra nhân dân kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kịp thời khắc phục những sai sót, sơ hở trong quản lý điều hành. Trong trường hợp yêu cầu, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân không được giải quyết, Ban Thanh tra nhân dân được quyền kiến nghị lên Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc Thanh tra Nhà nước cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 6. —

1. Căn cứ vào địa bàn và số lượng dân cư, mỗi Ban Thanh tra Nhân dân ở xã, phường có từ 5 đến 11 Ủy viên, do Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân tại các xóm, ấp, bản, cụm dân cư bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín theo giới thiệu của Mặt trận Tổ quốc cơ sở. Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân không phải là người đương nhiệm trong cơ quan Ủy ban Nhân dân xã, phường. Ban Thanh tra nhân dân bầu một Trưởng ban, một Phó ban.

2. Mặt trận Tổ quốc xã, phường ra quyết định công nhận Ban Thanh tra nhân dân và các Ủy viên, thông báo trước Hội đồng Nhân dân cùng cấp trong kỳ họp gần nhất. Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân nào không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Mặt trận Tổ quốc xã, phường đề nghị hội nghị nhân dân hoặc hội nghị đại biểu nhân dân bầu ra Ủy viên đó bãi miễn và bầu người khác thay thế.

3. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường là 2 năm.

Điều 7. —

1. Ban Thanh tra nhân dân căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Nhân dân xã, phường và chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp đề ra phương hướng, nội dung chương trình hoạt động của mình.

2. Mặt trận Tổ quốc xã, phường chỉ đạo, hướng dẫn chương trình hành động, nội dung công tác và theo dõi thường xuyên các hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; xem xét và ủng hộ những kiến nghị đúng đắn của Ban Thanh tra nhân dân. Ban Thanh tra Nhân dân báo cáo về hoạt động của mình trong các phiên họp thường kỳ của Mặt trận Tổ quốc xã, phường. Trưởng Ban Thanh tra nhân dân được mời tham gia các cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc xã, phường.

3. Thanh tra Nhà nước huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hướng dẫn nghiệp vụ cho các Ban Thanh tra nhân dân.

4. Ủy ban Nhân dân xã, phường có trách nhiệm thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân biết các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, quyết định của Ủy ban Nhân dân xã, phường và xem xét giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân.

5. Ủy ban Nhân dân xã, phường có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi và

phương tiện cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động như chỗ làm việc, giấy bút, kinh phí hoạt động... Xử lý nghiêm khắc các hành vi cản trở hoạt động, trả thù các Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 8. —

1. Ban Thanh tra nhân dân dựa vào nhân dân để phát hiện kịp thời những việc làm vi phạm pháp luật, thường xuyên lắng nghe ý kiến, phản ánh của nhân dân; giải thích cho nhân dân hiểu rõ và vận động nhân dân thực hiện đúng chính sách, pháp luật.

2. Khi được tổ chức Thanh tra huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh yêu cầu, Ban Thanh tra nhân dân tiến hành kiểm tra những vi phạm xảy ra ở xã, phường và kiến nghị Ủy ban Nhân dân xã, phường, tổ chức thanh tra Nhà nước đã yêu cầu để xem xét giải quyết.

3. Các biên bản và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân phải được Mặt trận Tổ quốc xã, phường xác nhận.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Điều 9. —

1. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị có từ 3 đến 9 Ủy viên do Đại hội công nhân viên chức (hoặc đại hội đại biểu công nhân viên chức) bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín với nhiệm kỳ 2 năm. Các Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị không phải chuyên trách mà làm việc kiêm nhiệm.

Ở các bộ phận trong đơn vị sản xuất kinh doanh, tùy theo quy mô và tính

chất lao động, có thể tổ chức các Tổ thanh tra nhân dân làm nhiệm vụ phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hiện tượng vi phạm pháp luật; phản ánh những ý kiến của người lao động, giám sát kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Các Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân bầu Trưởng ban; nếu Ban Thanh tra có từ 7 Ủy viên trở lên thì bầu thêm một Phó Ban.

3. Trong nhiệm kỳ, nếu Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân có sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ thì Ban chấp hành Công đoàn cơ sở đề nghị Đại hội công nhân viên chức gần nhất xem xét và quyết định bãi miễn, bầu người khác thay thế.

Trong trường hợp do sắp xếp lại tổ chức và lao động hoặc do những nguyên nhân khác mà số Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân thiếu quá 1/2 tổng số Ủy viên thì Đại hội công nhân viên chức căn cứ yêu cầu thực tế đề bầu bổ sung hoặc bầu lại.

4. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở ra quyết định công nhận Ban Thanh tra nhân dân và các ủy viên, thông báo cho các cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, đơn vị biết.

Các Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trực tiếp chỉ đạo hoạt động; cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào, ngành nào trực tiếp quản lý thì tổ chức Thanh tra Nhà nước cấp đó, ngành đó hướng dẫn nghiệp vụ cho các Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 10. —

1. Căn cứ Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức của cơ quan, đơn vị và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Ban Thanh tra nhân dân lập chương trình công tác cụ thể hàng quý, năm.

2. Ban Thanh tra nhân dân họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện nội dung công tác trong quý và xây dựng chương trình công tác quý sau; trong trường hợp cần thiết thì có thể họp bất thường.

3. Khi được tổ chức Thanh tra Nhà nước cấp quản lý trực tiếp yêu cầu hoặc khi hội nghị công nhân viên chức quyết định, thì Ban Thanh tra nhân dân tiến hành kiểm tra những vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị và kiến nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức Thanh tra Nhà nước đã yêu cầu để xem xét giải quyết.

4. Ban Thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm báo cáo với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở về hoạt động, công tác 6 tháng và tổng kết hàng năm; thông báo cho công nhân viên chức và báo cáo trước hội nghị công nhân viên chức cơ quan, đơn vị.

Điều 11. — Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

1. Thông báo các chế độ, chính sách và những thông tin cần thiết để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát, kiểm tra; tạo điều kiện cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm quyền lợi đối với các Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân trong thời gian hoạt động: học tập nghiệp vụ, hội họp như đối với cán bộ, viên chức khác trong cơ quan, đơn vị;

2. Chỉ thị cho các Phòng, Ban nghiệp vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời những tài liệu cần thiết liên quan trực tiếp đến nội dung kiểm tra để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện việc kiểm tra khi được giao nhiệm vụ;

3. Xử lý cán bộ, nhân viên có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hoặc có hành động trù dập, trả thù các Ủy viên Ban Thanh tra nhân dân;

4. Xem xét, giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 12. — Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở có trách nhiệm:

1. Giáo dục, động viên mọi người lao động tham gia, ủng hộ và phối hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ;

2. Lựa chọn, giới thiệu người có đủ tiêu chuẩn để Đại hội công nhân viên chức xem xét và bầu vào Ban Thanh tra Nhân dân;

3. Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban Thanh tra nhân dân sau khi Đại hội công nhân viên chức bầu để phân công nhiệm vụ cho từng Ủy viên và bầu Trưởng, Phó Ban;

4. Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân định chương trình công tác, định kỳ nghe báo cáo kết quả hoạt động và giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân đối với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở;

5. Cùng với các tổ chức Thanh tra Nhà nước tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân; nội dung do các tổ chức Thanh tra Nhà nước hướng dẫn;

6. Xác nhận các biên bản và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 13. — Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở có trách nhiệm tạo điều kiện, phương tiện cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động như chỗ làm việc, giấy bút... Ban Thanh tra nhân dân được trích một phần quỹ phúc lợi cho hoạt động của mình theo kế hoạch do Đại hội công nhân viên chức quyết định. Những nơi không có quỹ phúc lợi được trích một phần kinh phí hành chính cho hoạt động thanh tra nhân dân.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 14. — Các cá nhân và tập thể Ban Thanh tra nhân dân hoàn thành xuất

sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước.

Điều 15. — Các tổ chức Thanh tra Nhà nước phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và Liên đoàn lao động các cấp hướng dẫn nghiệp vụ cho các Ban Thanh tra nhân dân theo sự hướng dẫn chung của Thanh tra Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 16. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các quy định trước đây về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 17. — Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 242-HDBT ngày 5-8-1991 ban hành quy định về việc các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biên nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;